

GIÁ TRỊ BIỂU HIỆN CỦA TỪ "CHÂU" TRONG PHƯƠNG NGỮ QUẢNG BÌNH VÀ QUẢNG TRỊ

Từ Thu Mai

Phòng Đào tạo - KHCN, Phân hiệu Đại học Huế tại Quảng Trị

Email: tuthumaiqt@gmail.com

TÓM TẮT

Trong tiếng Việt phổ thông, từ **châu** được dùng để biểu đạt các nghĩa chỉ tên gọi sự vật và chỉ hoạt động. Tùy theo ngữ cảnh giao tiếp và đối tượng được biểu hiện, nó được người Việt ở các địa phương sử dụng không phổ biến nhưng khá đồng đều giữa các nghĩa trên. Tuy nhiên, trong phương ngữ Quảng Bình và Quảng Trị, từ **châu** thường được hiểu, được dùng với nghĩa chỉ điểm thời gian "hồi", "lúc", "dạo", "ngày" và chỉ sự chờ đợi với các nghĩa biểu đạt và các sắc thái cảm xúc khác nhau.

Bài viết này sẽ phân tích giá trị biểu hiện của từ **châu** trong phương ngữ Quảng Bình và Quảng Trị để từ đó góp phần làm rõ mối quan hệ giữa ngôn ngữ toàn dân với phương ngữ và đặc điểm ngôn ngữ văn hóa vùng miền.

Từ khóa: "châu", phương ngữ, Quảng Bình, Quảng Trị.

1. MỞ ĐẦU

1.1. Nằm trong vùng phương ngữ Bình Trị Thiên, phương ngữ Quảng Bình và Quảng Trị gần như giống nhau hoàn toàn. Ở đây, hệ thống từ địa phương không chỉ phản ánh những đặc điểm riêng về các mặt ngữ âm, từ vựng mà còn thể hiện rõ cách mà người bản địa sử dụng chúng trong hoạt động giao tiếp và tạo nên bản sắc ngôn ngữ - văn hóa vùng miền.

Là một yếu tố trong phương ngữ vùng này, từ **châu** được người địa phương sử dụng với các nghĩa biểu đạt và các sắc thái cảm xúc khác nhau.

1.2. Theo *Từ điển tiếng Việt* của Hoàng Phê, từ **châu** được hiểu theo các nghĩa khác nhau. Với nghĩa chỉ tên gọi sự vật, **châu** là một danh từ các nghĩa: 1. buổi hát ả đào; 2. bữa ăn uống hoặc vui chơi giải trí; 3. khoảng thời gian, hồi, lúc. Với nghĩa chỉ hoạt động, **châu** là một động từ cũng có ba nghĩa dùng chỉ: 1. hầu (*châu vua*); 2. hướng vào, quay vào cái khác được coi là trung tâm (*rông châu mặt nguyệt*); 3. thêm cho người mua một số đơn vị hàng bán lẻ với tỉ lệ nào đó (*bán một chục cam, được châu hai quả*).

Tùy theo ngữ cảnh giao tiếp và đối tượng được biểu hiện, từ **châu** đã được người Việt ở các địa phương sử dụng dù không phổ biến nhưng lại khá đồng đều giữa các nghĩa chỉ tên gọi sự vật hiện tượng và chỉ hành động. Dù xuất hiện trong các tác phẩm văn học cổ hay trong khẩu

ngữ hàng ngày, **châu** vẫn được nhân vật giao tiếp ở các thể hệ, các địa bàn hiểu và dùng đúng tiêu điểm nghĩa, phù hợp thực tế khách quan được phản ánh.

Tuy nhiên, trong phương ngữ Quảng Bình và Quảng Trị, từ **châu** chỉ thường được hiểu, được dùng với nghĩa chỉ điểm thời gian "hồi", "lúc", "đạo", "ngày" và nghĩa chỉ sự chờ đợi. Trường hợp này là khá phổ biến, biểu hiện mối quan hệ giữa từ trong ngôn ngữ toàn dân và từ trong phương ngữ mà người viết sẽ trình bày sau đây.

2. NỘI DUNG

2.1. Ý nghĩa biểu đạt của từ "châu" trong kết cấu "châu + X"

2.1.1. Cách dùng kết cấu "châu + X" để biểu đạt thời gian

Với nghĩa chỉ "hồi", "lúc", từ **châu** đã tham gia vào các kết cấu "**châu + X**" để biểu thị các điểm thời gian khác nhau. Tùy theo ngữ cảnh mà kết cấu này được hiểu và dùng theo các nghĩa biểu đạt thời điểm trong quá khứ, hiện tại hay tương lai.

1. Thông thường, kết cấu "**châu + X**" được dùng để biểu đạt điểm thời gian ở thì quá khứ với hai dạng là biểu đạt thời gian được xác định tương đối và biểu đạt thời gian không được xác định.

Để biểu đạt thời gian trong quá khứ với một chuẩn mốc xác định về một thời điểm đang được nói tới - thời điểm mà người nói và người nghe đều hiểu là sự tình được nói đến đã từng diễn ra trong quá khứ, người địa phương ở Quảng Bình và Quảng Trị thường dùng các cấu trúc cụm danh từ như **châu nó** (hồi đó, hồi nọ, đạo đó, đạo nọ), **châu trước** (hồi trước, đạo trước, lúc trước...) và **châu tê** (hồi kia, hồi trước, trước kia, trước đây, đạo trước).

Để biểu đạt thời gian trong quá khứ một cách chung chung, không xác định khoảng thời điểm, người ta thường dùng các cấu trúc như **bựa châu** (trước kia, hồi trước, hồi kia), **mọi châu**, **mọi hồi** (những lúc trước, những hồi trước). Theo đó, **bựa châu** dù vẫn có nghĩa chỉ "trước kia", "hồi trước", "hồi kia" như **châu nó** nhưng do cấu trúc **châu nó** có đại từ "nó" được dùng để chỉ rõ thời điểm "đó", "ấy", "kia" nên nghĩa của nó mang tính xác định hơn nghĩa của **mọi châu**.

Cũng để biểu đạt thời gian quá khứ gần, cách xa hiện tại không lâu, người ta thường dùng các tổ hợp ghép như **châu tê** và **châu tệt** (chỉ ngày đã qua cách ngày hiện tại hai ngày và ba ngày, theo hướng đếm ngược *ngày này - ngày hôm qua - ngày châu tê - ngày châu tệt*) cùng tổ hợp láy **châu tê châu tệt** (ngày kia ngày kia trong quá khứ).

2. Được dùng để biểu đạt thời gian ở thì hiện tại, châu được dùng trong tổ hợp **châu ni**, **châu này** với nghĩa chỉ "hồi này", "đạo này", "độ này". Ở hai cụm từ này, yếu tố "ni" và "này" có tính chất xác định điểm mốc hiện tại, thời điểm mà người nói, người nghe đang thực hiện cuộc giao tiếp. Điều đặc biệt là dùng để chỉ thời điểm hiện tại có thể có các yếu tố "ni", "này", "này" nhưng người Quảng Bình chỉ dùng **châu ni**, **châu này** mà không dùng **châu nay**.

3. Biểu đạt ý nghĩa chỉ thời gian ở thì tương lai, trong phương ngữ Quảng Bình, Quảng Trị có các cấu trúc ghép **châu tê/chù tê/chủ tê** và **châu tệt/ chủ tệt/ chủ tệt** và cấu trúc láy **châu tê châu tệt/chù tê chủ tệt/chủ tê chủ tệt**. Trong đó, các cấu trúc **chù tê/chủ tê** được dùng chỉ thời điểm ngày và được hiểu là "ngày kia", tức sau ngày hiện tại ba ngày, theo thứ tự đếm xuôi *ngày mai - ngày mốt - ngày châu tê/chù tê/chủ tê*). Tương tự như vậy, **chù tệt/ chủ tệt** được dùng chỉ thời điểm ngày và được hiểu là "ngày kia", tức sau ngày hiện tại bốn ngày, cũng theo thứ tự đếm xuôi *ngày mai - ngày mốt - ngày chù tê/chủ tê - ngày chù tệt/ chủ tệt*. Còn các cấu trúc láy **chù tê chù tệt/chủ tê chủ tệt** có nghĩa khái quát chỉ chung "ngày mai ngày mốt", "ngày mai ngày kia" thuộc về thời gian ở thì tương lai.

Có thể nhận thấy, về mặt ngữ âm, trong phương ngữ Quảng Bình và Quảng Trị có hiện tượng **châu** biến âm thành **chù/chủ** theo qui luật biến âm từ vần "âu" biến thành "u" (thâu - thu, nâu - nu, sâu - su...) của phương ngữ Trung Trung Bộ. Trong đó, các tổ hợp có chứa **châu** được dùng cho điểm thời gian ở thì quá khứ (*châu tê, châu tệt*), hiện tại (*châu ni, châu này*) và tương lai (*châu tê, châu tệt, châu tê châu tệt*) còn các tổ hợp có chứa **chù/chủ** thông thường được dùng chỉ điểm thời gian ở thì tương lai (*chù tệt/chủ tệt, chù tê chù tệt/chủ tê chủ tệt*).

2.1.2. Nhận xét về cách dùng các cấu trúc "châu + X"

1. Trong phương ngữ Quảng Bình và Quảng Trị, có hiện tượng một điểm thời gian được biểu đạt bằng các từ ngữ khác nhau, có chứa **châu**. Chẳng hạn:

- Biểu đạt điểm thời gian thuộc quá khứ gần, có vẻ như được xác định trong cách hiểu của mình: *châu nớ, châu trước, châu tê*.
- Biểu đạt điểm thời gian ở quá khứ xa, không xác định hoặc khó xác định cụ thể: *bựa châu, mọi châu, châu tê, châu nọ, châu nớ*.
- Biểu đạt điểm thời gian hiện tại: *châu ni, châu này*.
- Biểu đạt điểm thời gian dự báo trong tương lai, người ta thường dùng các tổ hợp từ ghép *chù tê/chủ tê, chù tệt/ chủ tệt* và cấu trúc láy *chù tê chù tệt/chủ tê chủ tệt*.

2. Trong phương ngữ Quảng Bình và Quảng Trị luôn có hiện tượng một từ được dùng biểu đạt ý nghĩa cho nhiều thời điểm khác nhau. Các từ **châu, châu tê/chù tê/chủ tê** được dùng chỉ thời điểm, thời đoạn trong quá khứ, hiện tại và tương lai. Chẳng hạn, với câu "Hôm châu tê tôi có ghé nhà cô ấy" thì **châu tê** được hiểu là ngày hôm kia trong quá khứ. Còn với câu "Ngày châu tê tôi sẽ đi Hà Nội" thì **châu tê** là ngày kia trong tương lai.

Điều đáng lưu ý là cùng cấu trúc **châu tê/chù tê/chủ tê** như nếu kết hợp với yếu tố đứng trước nó là "hôm" (*hôm châu tê, hôm chù tê, hôm chủ tê, hôm châu tệt, hôm chù tệt, hôm chủ tệt*) thì được dùng biểu đạt điểm thời gian trong quá khứ, nhưng nếu kết hợp với yếu tố đứng trước nó là "ngày" (*ngày châu tê/ngày chù tê/ngày chủ tê, ngày châu tệt/ngày chù tệt/ngày chủ tệt*) thì lại được dùng biểu đạt điểm thời gian trong tương lai.

2.2. Ý nghĩa biểu đạt của từ "chầu" trong một số tổ hợp từ ngữ khác

Ngoài giá trị biểu đạt ý nghĩa thời gian như đã trình bày trên, dù không phổ biến nhưng từ **chầu** được người Quảng Bình, Quảng Trị dùng chỉ sự *chờ đợi* với thái độ phản ứng tiêu cực. Chẳng hạn như câu "Chầu mãi mà chưa thấy nó về" có nghĩa như câu "Chờ mãi mà chưa thấy nó về" nhưng lại có sắc thái biểu hiện sự sốt ruột khi phải chờ đợi.

Hoặc là, câu "Thè rèo trâu đực còn hơn chầu chục bữa ăn" có nghĩa biểu đạt "chẳng thà phải chặn giữ trâu đực còn hơn phải chờ đợi bữa ăn", được thể hiện với thái độ khó chịu...

Ngoài ra, nghĩa "chờ đợi" của **chầu** còn được hình tượng hóa trong từ láy **chầu hâu**. Từ láy này thường kết hợp với động từ "ngồi" trước nó, thành cụm động từ *ngồi chầu hâu*, biểu hiện trạng thái ngồi chờ một cách uể oải, mệt mỏi...

3. KẾT LUẬN

Về mặt kết cấu, từ **chầu** có thể xuất hiện với tư cách là thành tố chính trong các cụm danh từ chỉ thời gian hoặc xuất hiện với tư cách hình vị cơ sở trong các từ láy tư. Theo đó, các cấu trúc ghép thường có ý nghĩa biểu đạt khoảng thời gian gần, dễ xác định trong quá khứ, tương lai và cả khoảng thời gian hiện tại. Còn ý nghĩa biểu đạt của các từ láy tư lại có giá trị biểu hiện thời gian mang tính khái quát, chung chung.

Về mặt nghĩa, từ **chầu** vừa có khả năng biểu đạt khoảng thời gian trong quá khứ, hiện tại và tương lai, vừa có khả năng biểu đạt trạng thái hành động, tâm lí gắn với sự chờ đợi, thái độ phản ứng tiêu cực của đối tượng thực hiện hành vi, trạng thái đó.

Như vậy, mặc dù có giá trị biểu hiện theo một nét nghĩa chỉ khoảng thời gian của từ **chầu** trong tiếng phổ thông nhưng **chầu** trong phương ngữ Quảng Bình và Quảng Trị có các nét nghĩa đa dạng hơn và mang đặc trưng của người địa phương nơi đây./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Hoàng Thị Châu (2009). *Phương ngữ học tiếng Việt*, Nxb ĐHQG Hà Nội.
- [2]. Đỗ Hữu Châu (1981). *Từ vựng ngữ nghĩa tiếng Việt*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- [3]. Nguyễn Thị Bạch Nhạn (2004). *Từ vựng phương ngữ Bắc Trung Bộ*, đề tài cấp Bộ.
- [4]. Hoàng Phê chủ biên (1992). *Từ điển tiếng Việt*, Trung tâm từ điển ngôn ngữ, HN.
- [5]. Võ Xuân Trang (1997). *Phương ngữ Bình Trị Thiên*, Nxb KHXH, Hà Nội.

**THE VALUE EXPRESSION OF THE WORD "CHÀU"
IN DIALECT OF QUANG BINH PROVINCE AND QUANG TRI PROVINCE**

Tu Thu Mai

Office for Training & Science-Technology, Hue University - Quang Tri Campus

Email: tuthumaiqt@gmail.com

ABSTRACT

In common Vietnamese, the word "chầu" is used to express the name of things and actions. Depending on the context of communication and expression, it is used uncommonly but quite similarly among the above definitions by the local Vietnamese.

However, in the dialect of Quang Binh province and Quang Tri province, "chầu" is generally used and understood in the meaning of "period", "time", "day" and means the expectation with different expressions and emotion.

This article will analyse the value expression of the word "chầu" in the dialect of Quang Binh province and Quang Tri province, in order to clarify the relationship between the standard language and the dialect and the characteristics of regional language and culture.

Keyword: *"chầu", dialect, Quang Binh, Quang Tri.*

